

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

Mã học phần: 71ACCT30103

Mã nhóm lớp HP: 231\_771ACCT30103\_01 (Lần 2)

Thời gian làm bài: 75 (phút)

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**  
**Sinh viên được sử dụng tài liệu giấy****ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**Học kỳ: 231 Năm học: **2023 - 2024**

Tên học phần: Kế toán tài chính 2

**Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ):**

Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi

**Format đề thi:**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Phần tự luận liền sau phần trắc nghiệm
- Đáp án phần tự luận: **in đậm, màu đỏ**

**Câu 01: Random 1 trong 2 câu dưới đây****PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 CÂU x 0,5 ĐIỂM/CÂU = 3 ĐIỂM)****Câu 1-a:** Công ty P nhờ chi nhánh Y thu hộ tiền bán hàng giá trị chưa thuế 50.000.000đ, thuế GTGT 10%. Kế toán ở cấp trên ghi nhận khoản nhờ thu hộ này thế nào?

- A. Ghi tăng TK 1368 số tiền 55.000.000đ
- B. Ghi tăng TK 1361 số tiền 55.000.000đ
- C. Ghi tăng TK 1368 số tiền 50.000.000đ
- D. Ghi tăng TK 1361 số tiền 50.000.000đ

ANSWER: A

**Câu 1-b:** Công ty P nhờ chi nhánh Y thu hộ tiền bán hàng giá trị chưa thuế 50.000.000đ, thuế GTGT 10%. Kế toán ở chi nhánh ghi nhận khoản nhờ thu hộ này thế nào?

- A. Ghi tăng TK 3368 số tiền 55.000.000đ
- B. Ghi tăng TK 3361 số tiền 55.000.000đ
- C. Ghi tăng TK 3368 số tiền 50.000.000đ
- D. Ghi tăng TK 3361 số tiền 50.000.000đ

ANSWER: A

**Câu 02: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu 2-a:**

Ngày 11/12/N, doanh nghiệp ứng trước 2.000 USD cho lô hàng sắp nhập khẩu từ nhà cung cấp N. Ngày 15/12/N lô hàng trị giá 3.300 USD được nhập khẩu, tiền hàng chưa thanh toán. Ngày 20/12/N doanh nghiệp thanh toán lô hàng trên bằng chuyển khoản.

Tỷ giá giao dịch thực tế mua – bán tại các thời điểm trên như sau

Ngày	Tỷ giá mua (VND/USD)	Tỷ giá bán (VND/USD)
11/12/N	22.100	22.300
15/12/N	22.250	22.600
20/12/N	22.400	22.700

Tỷ giá ghi sổ bình quân tài khoản ngân hàng thanh toán của doanh nghiệp là 22.450 VND/USD.

Giá gốc của lô hàng trên là:

- A. 73.980.000đ
- B. 73.125.000đ
- C. 74.580.000đ
- D. 73.425.000đ

ANSWER: A

**Câu 2-b:**

Ngày 11/12/N, doanh nghiệp ứng trước 2.000 USD cho lô hàng sắp nhập khẩu từ nhà cung cấp N. Ngày 15/12/N lô hàng trị giá 3.300 USD được nhập khẩu, phần tiền hàng chưa ứng trước được thanh toán ngay bằng chuyển khoản.

Tỷ giá giao dịch thực tế mua – bán tại các thời điểm trên như sau

Ngày	Tỷ giá mua (VND/USD)	Tỷ giá bán (VND/USD)
11/12/N	22.100	22.300
15/12/N	22.250	22.600

Tỷ giá ghi sổ bình quân tài khoản ngân hàng thanh toán của doanh nghiệp là 22.450 VND/USD.

Giá gốc của lô hàng trên là

- A. 73.525.000đ
- B. 73.125.000đ
- C. 73.785.000đ
- D. 74.580.000đ

ANSWER: A

**Câu 03: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu 3-a:**

Công ty Z xuất khẩu 2 container hàng A bán sang Nhật Bản chưa thu tiền với tổng trị giá hóa đơn là 65.000 USD. TGGDTT mua là 22.400 VND/USD, bán là 22.950 VND/USD và tỷ giá tính thuế của Hải quan là 22.650 VND/USD. Tính thuế xuất khẩu phải nộp của lô hàng này, biết thuế suất thuế xuất khẩu là 3%.

- A. 44.167.500 VND
- B. 43.680.000 VND
- C. 1.411.832.500 VND
- D. 1.447.582.500 VND

ANSWER: A

**Câu 3-b:**

Công ty Z xuất khẩu 2 container hàng A bán sang Nhật Bản đã thu tiền ngay với tổng trị giá hóa đơn là 65.000 USD. TGGDTT mua là 22.400 VND/USD, bán là 22.950 VND/USD và tỷ giá tính thuế của Hải quan là 22.650 VND/USD. Tính thuế xuất khẩu của lô hàng này, biết thuế suất thuế xuất khẩu là 5%.

- A. 73.612.500 VND
- B. 72.800.000 VND
- C. 1.411.832.500 VND
- D. 1.447.582.500 VND

ANSWER: A

**Câu 4-a:**

Công ty Z nhập khẩu 2 container hàng A từ Mỹ, chưa thanh toán tiền cho bên bán là 50.000 USD. Chi phí vận chuyển quốc tế đưa hàng về cảng Việt Nam là 500 USD/container và chi phí bảo hiểm cho cả 2 container hàng là 1.200 USD chưa được công ty Z thanh toán.

TGGDĐT mua là 22.400 VND/USD, bán là 22.950 VND/USD và tỷ giá tính thuế của Hải quan là 22.650 VND/USD. Tỷ giá được áp dụng để tính giá gốc của lô hàng này là

- A. TGGDĐT bán
- B. TGGDĐT mua
- C. TGGS bình quân
- D. TGGS đích danh

ANSWER: A

**Câu 4-b:**

Công ty Z nhập khẩu 2 container hàng A từ Mỹ, chưa thanh toán tiền cho bên bán là 50.000 USD. Chi phí vận chuyển quốc tế đưa hàng về cảng Việt Nam là 500 USD/container và chi phí bảo hiểm cho cả 2 container hàng là 1.200 USD đã được công ty chuyển khoản thanh toán. TGGDĐT mua là 22.400 VND/USD, bán là 22.950 VND/USD và tỷ giá tính thuế của Hải quan là 22.650 VND/USD. Tỷ giá được áp dụng để tính giá gốc của lô hàng này là

- A. TGGDĐT bán áp dụng cho giá mua, TGGDĐT mua áp dụng cho chi phí mua
- B. TGGDĐT mua
- C. TGGDĐT bán
- D. TGGDĐT mua áp dụng cho giá mua, TGGDĐT bán áp dụng cho chi phí mua

ANSWER: A

**Câu 04: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu 5-a:**

Tại đơn vị sản xuất áo sơ mi áp dụng quản lý Hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tiền lương của nhân viên bảo vệ tại phân xưởng sản xuất được ghi vào tài khoản nào:

- A. TK 627
- B. TK 622
- C. TK 621
- D. TK 642

ANSWER: A

**Câu 5-b:**

Tại đơn vị sản xuất áo sơ mi áp dụng quản lý Hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, các khoản trích theo lương của nhân viên bảo vệ tại phân xưởng sản xuất được ghi vào tài khoản nào:

- A. TK 627
- B. TK 622
- C. TK 621
- D. TK 642

ANSWER: A

**Câu 05: Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu 6-a:**

**Công ty B** ký hợp đồng xây dựng 1 nhà xưởng với **công ty xây lắp T**. Công trình bắt đầu từ tháng 6. Nghiệp vụ phát sinh như sau:

- 1/7, Công ty T đã hoàn thành phần xây khung nhà xưởng 2 bàn giao, với trị giá là 10.000.000.000đ.
- 5/7 B xuất kho thiết bị không cần lắp đến công trình nhà xưởng cho T, giá trị 500.000.000đ.
- 6/7 B xuất kho thiết bị cần lắp đến công trình nhà xưởng cho T, giá trị 500.000.000đ.
- 15/7 T đã hoàn thành công trình nhà xưởng. Tổng số tiền B phải thanh toán cho T của hạng mục còn lại là 50.000.000đ
- Nhà xưởng đã hoàn thành và đưa vào hoạt động. Xưởng 2 được đầu tư từ quỹ đầu tư phát triển.
- 31/7, B đã thanh toán toàn bộ tiền cho T sau khi trừ tiền đã ứng trước là 8 tỷ.

Tổng giá trị xây dựng công ty B thanh toán cho công ty xây lắp T là

- A. 10.050.000.000đ
- B. 8.000.000.000đ
- C. 8.050.000.000đ
- D. 10.000.000.000đ

ANSWER: A

**Câu 6-b:**

Công ty B ký hợp đồng xây dựng 1 nhà xưởng với công ty xây lắp T. Công trình bắt đầu từ tháng 6. Nghiệp vụ phát sinh như sau:

- 1/7, Công ty T đã hoàn thành phần xây khung nhà xưởng 2 bàn giao, với trị giá là 10.000.000.000đ.
- 5/7 B xuất kho thiết bị không cần lắp đến công trình nhà xưởng cho T, giá trị 500.000.000đ.
- 6/7 B xuất kho thiết bị cần lắp đến công trình nhà xưởng cho T, giá trị 500.000.000đ.
- 15/7 T đã hoàn thành công trình nhà xưởng. Tổng số tiền B phải thanh toán cho T của hạng mục còn lại là 50.000.000đ
- Nhà xưởng đã hoàn thành và đưa vào hoạt động. Xưởng 2 được đầu tư từ quỹ đầu tư phát triển.
- 31/7, B đã thanh toán toàn bộ tiền cho T sau khi trừ tiền đã ứng trước là 8 tỷ.

Tổng giá trị công trình công ty B ghi nhận tăng tài sản cố định là

- A. 11.050.000.000đ
- B. 8.150.000.000đ
- C. 8.050.000.000đ
- D. 10.050.000.000đ

ANSWER: A

### PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)

**Câu 1: (7,0 điểm) Random 1 trong 2 câu dưới đây**

**Câu 1\_a:**

**Đáp án: (7 ĐIỂM)**

*Công ty An An chuyên sản xuất sản phẩm A áp dụng kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế; hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên; tính trị giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp FIFO, kỳ sản xuất kết thúc khi hoàn thành sản phẩm; kỳ kế toán là tháng*

Trong kỳ công ty có các số liệu liên quan hoạt động kinh doanh như sau:

**Tài liệu 1 - Số dư của một số tài khoản tại ngày 31/03/N, như sau:**

- TK 1122: 802.800.000đ (36.000 USD)
- TK 154\_A: 4.000.000 (chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ)

- TK 155\_A: 145.000.000đ (Chi tiết 1.000 đơn vị sản phẩm A)
- TK 244\_LC: 111.500.000đ (Ký quỹ mở L/C: 5.000 USD)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

**Tài liệu 2 - Trong tháng 04/N, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty An An như sau:**

**1. Ngày 06**, xuất khẩu trực tiếp 500 sản phẩm A cho khách hàng V chưa thu tiền. Giá bán 8,85 USD/sản phẩm. Thuế xuất khẩu 6%. Công ty đã chi tiền mặt VND nộp thuế xuất khẩu và lệ phí hải quan 1.200.000đ. TGGDTT mua 22.600 VND/USD, bán: 22.850 VND/USD. **(1,5 điểm)**

**+ Giá vốn (0.5 điểm)**

**Nợ 632            72.500.000 (145.000.000 / 1.000 x 500)**

**Có 155\_A            72.500.000**

**+ Doanh thu (0.5 điểm)**

**Nợ 131            100.005.000 (8,85 x 500 x 22600)**

**Có 511                94.044.525**

**Có 3333            5.960.475 (8,85 x 500 x 6% x 22450)**

**+ Nộp thuế XK và lệ phí hải quan (0.5 điểm)**

**Nợ 641            1.200.000**

**Nợ 3333            5.960.475**

**Có 1111            7.160.475**

**2. Ngày 07**, quá trình sản xuất hoàn thành nhập kho 500 sản phẩm A. Các chi phí sản xuất phát sinh liên quan như sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 23.000.000đ

Chi phí nhân công trực tiếp: 18.000.000đ

Chi phí sản xuất chung: 37.500.000đ

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ: 5.000.000đ

Kế toán kết chuyển chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nhập kho của lô hàng này. **(1 điểm)**

**Kết chuyển chi phí sản xuất (0.5 điểm)**

**Nợ 154\_A            78.500.000**

<b>Có 621</b>	<b>23.000.000</b>	
<b>Có 622</b>	<b>18.000.000</b>	
<b>Có 627</b>	<b>37.500.000</b>	
<b>Nợ 155_A</b>	<b>77.500.000 (0.5 điểm)</b>	
<b>Có 154_A</b>	<b>77.500.000</b>	
<b>Giá thành: <math>4.000.000 + 23.000.000 + 18.000.000 + 37.500.000 - 5.000.000 = 77.500.000đ</math></b>		

**3. Ngày 10**, Công ty bán 400 sản phẩm A trong nước theo chương trình khuyến mãi mua 5 tặng 1, đơn giá bán chưa thuế 180.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thu đủ bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

**+ Giá vốn: (0,5 điểm)**

<b>Nợ TK 632</b>	<b>69.600.000</b>	
<b>Có TK 155_A</b>	<b>69.600.000</b>	<b>(480x145.000.000/1.000)</b>

**+ Doanh thu (0,5 điểm)**

<b>Nợ 112</b>	<b>79.200.000</b>	
<b>Có 511</b>	<b>72.000.000 (400 x 180.000)</b>	
<b>Có 3331</b>	<b>7.200.000</b>	

**4. Ngày 18**, công ty nhận giấy báo Có ngân hàng với nội dung: khách hàng V thanh toán khoản nợ mua hàng ở ngày 06. Phí giao dịch ngân hàng là 33 USD (đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT). TGGDTT mua 22.550 VND/USD, bán: 22.750 VND/USD **(0,5 điểm)**

**+ Khách hàng thanh toán (0,5 điểm)**

<b>Nợ TK 641</b>	<b>676.500 (33USD/1,1 x 22.550)</b>
<b>Nợ TK 133</b>	<b>67.650(676.500 x 10%)</b>
<b>Nợ TK 1122</b>	<b>99.039.600 [(4,425 - 33) x 22.550]</b>
<b>Nợ TK 635</b>	<b>221.250</b>
<b>Có TK 131</b>	<b>100.005.000 (8,85 x 500 x 22600)</b>

**5. Ngày 20**, nhận bàn giao nhà để xe nhân viên cho Công ty Q nhận thầu xây dựng, giá trị công trình chưa thanh toán 500.000.000đ, VAT 10%. Công trình đã được nghiệm thu bằng giá trị trên và đưa vào sử dụng từ ngày nhận bàn giao. Thời gian sử dụng ước tính 8 năm. **(0,5 điểm)**

<b>Nợ 2412</b>	<b>500.000.000</b>
----------------	--------------------



<b>Nợ 133</b>	<b>50.000.000</b>
<b>Có 331.Q</b>	<b>550.000.000</b>
<b>Nợ 211</b>	<b>500.000.000</b>
<b>Có 2412</b>	<b>500.000.000</b>

**6. Ngày 30**, Thực hiện đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tỷ giá ngày 30/4/N: TGGDTT mua 22.300 VND/USD, bán: 22.500 VND/USD), lập bút toán điều chỉnh, tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tháng 4/N. **(2,5 điểm)**

**+ Đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (TGNH) (0,5 điểm)**

**Số dư TK 1122: 40.392 USD, 901.839.600 VND**

**Tỷ giá đánh giá lại: 22.300 VND/USD, số dư đánh giá lại: 900.741.600 VND**

<b>Nợ 4131</b>	<b>1.098.000 (901.839.600 - 900.741.600)</b>
<b>Có 1122</b>	<b>1.098.000</b>

<b>Nợ 635</b>	<b>13.984.160</b>
<b>Có 4131</b>	<b>13.984.160</b>

**+ Bút toán điều chỉnh (trích khấu hao TSCĐ) (0,5 điểm)**

<b>Nợ 642</b>	<b>1.909.722 (500.000.000/8/12 * (30-20+1)/30)</b>
<b>Có 214</b>	<b>1.909.722</b>

**+ Kết chuyển doanh thu (0,5 điểm)**

<b>Nợ TK 511</b>	<b>166.044.525 (94.044.525 + 72.000.000)</b>
<b>Có TK 911</b>	<b>166.044.525</b>

**+ Kết chuyển chi phí (0,5 điểm)**

<b>Nợ TK 911</b>	<b>163.020.382</b>
<b>Có TK 632</b>	<b>142.100.000 (72.500.000 + 69.600.000)</b>
<b>Có TK 635</b>	<b>17.134.160 (3.150.000 + 13.984.160)</b>
<b>Có TK 641</b>	<b>1.876.500 (1.200.000 + 676.500)</b>
<b>Có TK 642</b>	<b>1.909.722</b>

**+ Kết chuyển lãi (0,5 điểm)**

<b>Nợ 911</b>	<b>3.024.143 (166.044.525 - 163.020.382)</b>
<b>Có 421</b>	<b>3.024.143</b>

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Q trong tháng 4 năm N. Giả sử tỷ giá tính thuế của hải quan áp dụng cho tất cả các nghiệp vụ là 22.450 VND/USD.

*(Lưu ý: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm)*

### Câu 1\_b:

#### **Đáp án: (7 ĐIỂM)**

*Công ty An An chuyên sản xuất sản phẩm A áp dụng kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế; hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên; tính trị giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp BQGQ liên hoàn (BQGQ sau mỗi lần nhập), kỳ sản xuất kết thúc khi hoàn thành sản phẩm; kỳ kế toán là tháng*

Trong kỳ công ty có các số liệu liên quan hoạt động kinh doanh như sau:

#### **Tài liệu 1 - Số dư của một số tài khoản tại ngày 31/03/N, như sau:**

- TK 1122: 802.800.000đ (36.000 USD)
- TK 154\_A: 4.000.000 (chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ)
- TK 155\_A: 145.000.000đ (Chi tiết 1.000 đơn vị sản phẩm A)
- TK 244\_LC: 111.500.000đ (Ký quỹ mở L/C: 5.000 USD)
- Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

#### **Tài liệu 2 - Trong tháng 04/N, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty An An như sau:**

**1. Ngày 06,** xuất khẩu trực tiếp 500 sản phẩm A cho khách hàng V chưa thu tiền. Giá bán 8,85 USD/sản phẩm. Thuế xuất khẩu 6%. Công ty đã chi tiền mặt VND nộp thuế xuất khẩu và lệ phí hải quan 1.200.000đ. TGGDTT mua 22.600 VND/USD, bán: 22.850 VND/USD.  
**(1,5 điểm)**

#### **+ Giá vốn (0.5 điểm)**

**Nợ 632            72.500.000 (145.000.000 / 1.000 x 500)**

**Có 155\_A            72.500.000**

#### **+ Doanh thu (0.5 điểm)**

**Nợ 131            100.005.000 (8,85 x 500 x 22600)**

<b>Có 511</b>	<b>94.044.525</b>
<b>Có 3333</b>	<b>5.960.475 (8,85 x 500 x 6% x 22450)</b>
<b>+ Nộp thuế XK và lệ phí hải quan (0.5 điểm)</b>	
<b>Nợ 641</b>	<b>1.200.000</b>
<b>Nợ 3333</b>	<b>5.960.475</b>
<b>Có 1111</b>	<b>7.160.475</b>

**2. Ngày 07**, quá trình sản xuất hoàn thành nhập kho 500 sản phẩm A. Các chi phí sản xuất phát sinh liên quan như sau:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: 23.000.000đ

Chi phí nhân công trực tiếp: 18.000.000đ

Chi phí sản xuất chung: 37.500.000đ

Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ: 5.000.000đ

Kế toán kết chuyển chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm nhập kho của lô hàng này. **(1 điểm)**

**Kết chuyển chi phí sản xuất (0.5 điểm)**

<b>Nợ 154_A</b>	<b>78.500.000</b>
<b>Có 621</b>	<b>23.000.000</b>
<b>Có 622</b>	<b>18.000.000</b>
<b>Có 627</b>	<b>37.500.000</b>
<b>Nợ 155_A</b>	<b>77.500.000 (0.5 điểm)</b>
<b>Có 154_A</b>	<b>77.500.000</b>

**Giá thành:  $4.000.000 + 23.000.000 + 18.000.000 + 37.500.000 - 5.000.000 = 77.500.000đ$**

**3. Ngày 10**, Công ty bán 400 sản phẩm A trong nước theo chương trình khuyến mãi mua 5 tặng 1, đơn giá bán chưa thuế 180.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%, đã thu đủ bằng tiền gửi ngân hàng. **(1 điểm)**

**+ Giá vốn: (0,5 điểm)**

<b>Nợ TK 632</b>	<b>60.000.000</b>
<b>Có TK 155_A</b>	<b>60.000.000 (145.000.000/2 + 77.500.000)/1.000 x 400</b>

**+ Doanh thu (0,5 điểm)**

<b>Nợ 112</b>	<b>79.200.000</b>
---------------	-------------------

**Có 511                      72.000.000 (400 x 180.000)**

**Có 3331                      7.200.000**

**4. Ngày 18**, công ty nhận giấy báo Có ngân hàng với nội dung: khách hàng V thanh toán khoản nợ mua hàng ở ngày 06. Phí giao dịch ngân hàng là 33 USD (đã gồm 10% thuế suất thuế GTGT). TGGDTT mua 22.550 VND/USD, bán: 22.750 VND/USD **(0,5 điểm)**

**+ Khách hàng thanh toán (0,5 điểm)**

**Nợ TK 641                      676.500 (33USD/1,1 x 22.550)**

**Nợ TK 133                      67.650(676.500 x 10%)**

**Nợ TK 1122                      99.039.600 [(4,425 – 33) x 22.550]**

**Nợ TK 635                      221.250**

**Có TK 131                      100.005.000 (8,85 x 500 x 22600)**

**5. Ngày 20**, nhận bàn giao nhà để xe nhân viên cho Công ty Q nhận thầu xây dựng, giá trị công trình chưa thanh toán 400.000.000đ, VAT 10%. Công trình đã được nghiệm thu bằng giá trị trên và đưa vào sử dụng từ ngày nhận bàn giao. Thời gian sử dụng ước tính 8 năm. **(0,5 điểm)**

**Nợ 2412                      400.000.000**

**Nợ 133                      40.000.000**

**Có 331.Q                      440.000.000**

**Nợ 211                      400.000.000**

**Có 2412                      400.000.000**

**6. Ngày 30**, Thực hiện đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tỷ giá ngày 30/4/N: TGGDTT mua 22.300 VND/USD, bán: 22.500 VND/USD), lập bút toán điều chỉnh, tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tháng 4/N. **(2,5 điểm)**

**+ Đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (TGNH) (0,5 điểm)**

**Số dư TK 1122: 40.392 USD, 901.839.600 VND**

**Tỷ giá đánh giá lại: 22.300 VND/USD, số dư đánh giá lại: 900.741.600 VND**

**Nợ 4131                      1.098.000 (901.839.600 - 900.741.600)**

**Có 1122                      1.098.000**

**Nợ 635                      13.984.160**

**Có 4131                      13.984.160**

+ **Bút toán điều chỉnh (trích khấu hao TSCĐ) (0,5 điểm)**

**Nợ 642                      1.527.778 (400.000.000/8/12 \* (30-20+1)/30)**

**Có 214                      1.527.778**

+ **Kết chuyển doanh thu (0,5 điểm)**

**Nợ TK 511            166.044.525 (94.044.525 + 72.000.000)**

**Có TK 911            166.044.525**

+ **Kết chuyển chi phí (0,5 điểm)**

**Nợ TK 911            153.038.438**

**Có TK 632            132.500.000 (72.500.000 + 60.000.000)**

**Có TK 635            17.134.160 (3.150.000 + 13.984.160)**

**Có TK 641            1.876.500 (1.200.000 + 676.500)**

**Có TK 642            1.527.778**

+ **Kết chuyển lãi (0,5 điểm)**

**Nợ 911                      13.006.087 (166.044.525 - 153.038.438)**

**Có 421                      13.006.087**

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty Q trong tháng 4 năm N. Giả sử tỷ giá tính thuế của hải quan áp dụng cho tất cả các nghiệp vụ là 22.450 VND/USD.

*(Lưu ý: Sinh viên phải trình bày, giải thích cách tính toán khi định khoản, trường hợp không giải thích sinh viên đạt 50% số điểm)*

*Ngày biên soạn: 18/11/2023*

**Giảng viên biên soạn đề thi: Hoàng Thụy Diệu Linh**

*Ngày kiểm duyệt: 18/11/2023*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: Nguyễn Thị Thu Vân**

- Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).
- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.